

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1171* /QĐ-SXD

Hà Nam, ngày *19* tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng
của Sở Xây dựng Hà Nam

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG HÀ NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/3/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Hà Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 857/QĐ-SXD ngày 07/6/2016 của Sở Xây dựng về việc ban hành Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; thành viên của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Sở; Trưởng các phòng, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TĐKT.



Phạm Mạnh Hùng

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-SXD ngày 19/7/2018
của Sở Xây dựng Hà Nam)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGUYÊN TẮC KHEN THƯỞNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua khen thưởng của Sở Xây dựng Hà Nam, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; xếp loại các tập thể, cá nhân; thẩm quyền quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ xét danh hiệu thi đua và khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Xây dựng có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng đều được xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

2. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được.

Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

3. Không xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối với tập thể:

- Không đăng ký thi đua;
- Có thời gian thành lập, hoạt động dưới 12 tháng;
- Có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ mất đoàn kết; đảng bộ, chi bộ không đạt trong sạch vững mạnh;
- Có vụ việc sai phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

b) Đối với cá nhân:

- Không đăng ký thi đua;
- Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ chế độ nghỉ thai sản).

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (*chuyên đề*) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công việc để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cán bộ công chức, viên chức và lao động.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động cán bộ công chức, viên chức, người lao động tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện công tác thi đua khen thưởng

Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và nhiệm vụ chính trị được giao để xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, các biện pháp thi đua, đồng thời hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng, được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm; nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Điều 7. Đăng ký thi đua

1. Việc đăng ký thi đua để tổ chức, Hội đồng thi đua khen thưởng Sở theo dõi đánh giá thi đua, xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Đăng ký thi đua bằng văn bản với nội dung phần đầu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua hoặc nội dung thi đua đã đề ra.

2. Hàng năm, trước ngày 28/02 các đơn vị gửi đăng ký thi đua (nêu rõ đăng ký của các tập thể, cá nhân) về Văn phòng Sở.

Hội đồng thi đua khen thưởng Sở đăng ký với Ban thi đua khen thưởng - Sở Nội vụ trước ngày 10/3 và công khai danh sách đăng ký thi đua từ ngày 15/3 hàng năm.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam.

2. Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

3. Có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong tỉnh do Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

2. Các trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam:

Cá nhân có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, xét duyệt, bảo vệ, ứng dụng; được tặng "Bằng Lao động sáng tạo" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tương đương; đạt giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi chuyên môn của tỉnh hoặc khu vực, đạt giải nhất trong các cuộc thi kỹ thuật của tỉnh hoặc khu vực; đạt giải trong các cuộc thi toàn quốc do các bộ, ngành trung ương tổ chức.

3. Thời điểm đề nghị xét công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam" là năm thứ 3 cá nhân đó đạt được danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến";
2. Có sáng kiến đề tặng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, đơn vị.
Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".
3. Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua khen thưởng của đơn vị (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 11. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho không quá 80% cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.
- e) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua khen thưởng của đơn vị (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

4. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

5. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 12. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

Tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để suy tôn, đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua. Tập thể nào có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên sẽ được xem xét đề nghị.

Điều 13. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"

Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua của tỉnh giao và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc, có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;
2. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;
3. Có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp cơ sở và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp tỉnh suy tôn.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm cho 20% các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";
4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
6. Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua của đơn vị (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho không quá 80% tổng số tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

5. Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng thi đua của đơn vị (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để xét, đề nghị tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để xét, đề nghị tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 17. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;
- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

Điều 18. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
3. Tỷ lệ được tặng Giấy khen đối với khen thưởng tổng kết hàng năm:
 - a) Đối với cá nhân: không quá 50% trên tổng số những cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".
 - b) Đối với tập thể: không quá 50% trên tổng số những tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến".

Chương IV XẾP LOẠI CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

Điều 19. Xếp loại các tập thể, cá nhân

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Là các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; các tiêu chí đánh giá đều đạt "Tốt" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Xuất sắc".

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.

Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ".
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Là các tập thể, cá nhân mà các tiêu chí đều được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (*đối với tập thể*), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (*đối với cá nhân*) đều được đánh giá đạt "Tốt" trở lên.

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý đó bị kỷ luật (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

3. Tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá xếp loại mức độ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" để làm căn cứ bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng.

Tập thể, cá nhân không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Thủ trưởng đơn vị đánh giá xếp loại mức độ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" để làm căn cứ bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng hàng năm.

Thời gian các đơn vị đánh giá xếp loại trước ngày 05/12 hàng năm.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 20. Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và "Giấy khen".
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam".

Điều 21. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm có:
 - a) Tờ trình của đơn vị (02 bản);
 - b) Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng; biên bản kiểm phiếu của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ quan, đơn vị (*Đối với tập thể, cá nhân đề nghị các danh hiệu thi đua*) (02 bản);
 - c) Báo cáo thành tích (*theo mẫu quy định*) của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có dấu giáp lai và xác nhận của cấp đề nghị khen thưởng; Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.
- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 báo cáo thành tích;
- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ: 04 báo cáo thành tích có gửi file đính kèm;
- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: 05 báo cáo thành tích có gửi file đính kèm.

d). Để có căn cứ thẩm định, các đơn vị trình khen cung cấp các văn bản kèm theo:

- Bản sao các quyết định hoặc bằng khen, giấy chứng nhận của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

- Bản đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng (*căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức có xác nhận của cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền*);

- Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo cấp cơ sở và cấp tỉnh, kèm theo đề tài, sáng kiến cấp tỉnh được công nhận (*đối với cá nhân đề nghị danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam, Chiến sỹ thi đua toàn quốc và Huân chương các hạng*).

2. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, tài nguyên môi trường và báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng (*đối với đề nghị trình khen cấp Nhà nước*).

Điều 22. Tuyển trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Các đơn vị phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của đơn vị mình; trường hợp thành tích xuất sắc có tác dụng đối với phạm vi toàn tỉnh thì mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

Điều 23. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền tại cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng. Số lượng cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở quyết định.

2. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở phân công, các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về nhiệm vụ được phân công.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở là Văn phòng Sở.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện Quy chế này, đồng thời xây dựng kế hoạch của đơn vị mình đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất.

Những nội dung nào không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Văn phòng Sở có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng Sở xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC



Phạm Mạnh Hùng